

Số: 1624 /QĐ-SGDĐT

Quảng Ninh, ngày 08 tháng 8 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kết quả tuyển sinh vào lớp 10 năm học 2020 - 2021
Trường trung học phổ thông Đàm Hà

GIÁM ĐỐC SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Căn cứ Quy chế tuyển sinh trung học cơ sở và tuyển sinh trung học phổ thông ban hành kèm theo Thông tư số 11/2014/TT-BGDĐT ngày 18/4/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 18/2014/TT-BGDĐT ngày 26/5/2014 và Thông tư số 05/2018/TT-BGDĐT ngày 28/02/2018;

Căn cứ Quyết định số 2546/2015/QĐ-UBND ngày 31/8/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Quảng Ninh;

Căn cứ Quyết định số 1741/QĐ-UBND ngày 28/5/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt chỉ tiêu tuyển sinh lớp 6, lớp 10 phổ thông dân tộc nội trú và lớp 10 trung học phổ thông năm học 2020 - 2021;

Căn cứ Quyết định số 1615/QĐ-SGDĐT ngày 08/8/2020 của Sở Giáo dục và Đào tạo về duyệt điểm chuẩn trúng tuyển vào lớp 10 các trường trung học phổ thông tuyển sinh bằng phương thức thi tuyển năm học 2020 - 2021;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Khảo thí và Kiểm định chất lượng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả tuyển sinh vào lớp 10 năm học 2020 - 2021 của Trường trung học phổ thông Đàm Hà cho **294** học sinh, chi tiết theo Danh sách học sinh trúng tuyển kèm Quyết định này.

Điều 2. Hiệu trưởng Trường trung học phổ thông Đàm Hà có trách nhiệm công bố công khai kết quả tuyển sinh tới học sinh, cha mẹ học sinh và thông báo để học sinh trúng tuyển nhập học theo quy định.

Điều 3. Chánh Văn phòng; Trưởng các phòng: Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục, Giáo dục trung học; Hiệu trưởng trường có tên tại Điều 2 và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- GD, các PGD Sở ;
- Lưu: VT, KTKĐ.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Đinh Ngọc Sơn

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH QUẢNG NINH

DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN VÀO LỚP 10 THPT NĂM HỌC 2020 - 2021

Trường trung học phổ thông Đầm Hà

(Kèm theo Quyết định số 1624/QĐ-SGDĐT ngày 08/8/2020 của Sở GDĐT Quảng Ninh)

STT	SBD	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Hộ khẩu thường trú	Nữ	Dân tộc ít người	Học sinh trường THCS	N. Ngữ	Điểm các môn thi			Điểm UT	Nhóm xét tuyển	ĐIỂM TRÚNG TUYỂN
										Văn	NN	Toán			
1	0106052	ĐINH THANH	HƯƠNG	13/02/2005	TT Đầm Hà, Đầm Hà	Nữ		THCS TT Đầm Hà, Đầm Hà	Anh	6,5	6,75	8		1	35,75
2	0109174	ĐINH THỊ HỒNG	THẨM	20/01/2005	TT Đầm Hà, Đầm Hà	Nữ		THCS TT Đầm Hà, Đầm Hà	Anh	7,5	9	8,5		1	41
3	080001	BÙI THỊ MAI	AN	11/12/2005	Thị trấn Đầm Hà, Đầm Hà	nữ		THCS Thị Trấn Đầm Hà, Đầm Hà	Anh	3,25	4	3,75		1	18
4	080002	ĐẶNG QUỐC	AN	10/10/2005	Xã Quảng Tân, Đầm Hà	Nam	Hoa	TH&THCS Quảng Lợi, Đầm Hà	Anh	0,75	2,75	3	2	1	12,25
5	080003	HOÀNG BÌNH	AN	01/05/2005	Xã Tân Bình, Đầm Hà	Nam		THCS Xã Tân Bình, Đầm Hà	Anh	1,75	5,75	4		1	17,25
6	080004	NGUYỄN BÌNH	AN	20/08/2005	Thị trấn Đầm Hà, Đầm Hà	nữ		THCS Thị Trấn Đầm Hà, Đầm Hà	Anh	6	7,25	7,25		1	33,75
7	080005	NGUYỄN VĂN	AN	17/04/2005	Xã Đầm Hà, Đầm Hà	Nam		THCS Xã Đầm Hà, Đầm Hà	Anh	4	4,25	2,75		1	17,75
8	080006	ĐINH HOÀNG	ANH	28/09/2005	Thị trấn Đầm Hà, Đầm Hà	Nam		THCS Thị Trấn Đầm Hà, Đầm Hà	Anh	7	4,75	7,75		1	34,25
9	080007	HOÀNG QUỐC	ANH	24/10/2005	Xã Đầm Hà, Đầm Hà	Nam		THCS Xã Đầm Hà, Đầm Hà	Anh	0,75	4	2,25		1	10
10	080008	LƯƠNG DUY	ANH	24/10/2005	Xã Quảng An, Đầm Hà	Nam		THCS Xã Quảng An, Đầm Hà	Anh	2,25	4,25	1,75	2	1	14,25
11	080009	NINH THỊ HOÀI	ANH	15/09/2005	Xã Quảng Tân, Đầm Hà	Nữ	Sán Chi	TH&THCS Quảng Lợi, Đầm Hà	Anh	5,5	3,75	5	2	1	26,75
12	080010	PHẠM CHÂU	ANH	31/07/2005	Thị trấn Đầm Hà, Đầm Hà	nữ		THCS Thị Trấn Đầm Hà, Đầm Hà	Anh	6,75	3,5	7		1	31
13	080012	PHẠM THỊ LAN	ANH	20/05/2005	Quảng Tân, Đầm Hà	Nữ		THCS Quảng Tân, Đầm Hà	Anh	3,25	2	2		1	12,5
14	080013	PHẠM TUẤN	ANH	25/10/2005	Xã Quảng Tân, Đầm Hà	Nam		TH&THCS Quảng Lợi, Đầm Hà	Anh	1,5	2,25	1,5		1	8,25
15	080014	TRẦN TUẤN	ANH	20/07/2005	Đại Bình, Đầm Hà	Nam	Tây	THCS Đại Bình, Đầm Hà	Anh	3	2,5	3,5	2	1	17,5
16	080015	TRIỆU MINH	ANH	12/11/2005	Thị trấn Đầm Hà, Đầm Hà	nữ		THCS Thị Trấn Đầm Hà, Đầm Hà	Anh	2,5	2,75	4,25		1	16,25
17	080016	VŨ HOÀNG	ANH	07/01/2005	Xã Đầm Hà, Đầm Hà	Nam		THCS Thị Trấn Đầm Hà, Đầm Hà	Anh	1,75	2,75	3,5	2	1	15,25
18	080017	ĐINH ĐẶNG NGỌC	ÁNH	23/01/2005	Xã Đầm Hà, Đầm Hà	Nữ		THCS Xã Đầm Hà, Đầm Hà	Anh	3	2,25	2		1	12,25
19	080018	ĐINH THỊ NGỌC	ÁNH	02/10/2005	Quảng Tân, Đầm Hà	Nữ		THCS Quảng Tân, Đầm Hà	Anh	2	2	2,25		1	10,5
20	080019	LÊ NGỌC	ÁNH	05/11/2005	Xã Đầm Hà, Đầm Hà	Nữ		THCS Xã Đầm Hà, Đầm Hà	Anh	2,25	2,75	2,5		1	12,25
21	080020	PHẠM NGỌC	ÁNH	21/05/2005	Quảng Tân, Đầm Hà	Nữ		THCS Quảng Tân, Đầm Hà	Anh	2,5	1,75	2,5		1	11,75
22	080021	PHẠM NGỌC	BIÊN	30/03/2005	Dực Yên, Đầm Hà	Nam		THCS Dực Yên, Đầm Hà	Anh	6	4,25	6,5		1	29,25
23	080022	BÙI THỊ MAI	BÌNH	11/12/2005	Thị trấn Đầm Hà, Đầm Hà	nữ		THCS Thị Trấn Đầm Hà, Đầm Hà	Anh	6	5,75	4,25		1	26,25
24	080023	DỊP VĂN	BÌNH	03/12/2005	Xã Tân Bình, Đầm Hà	Nam	Sán Dìu	THCS Xã Tân Bình, Đầm Hà	Anh	2,75	3,25	2,75	2	1	16,25
25	080024	ĐẶNG VĂN	BÌNH	22/12/2005	Xã Quảng Tân, Đầm Hà	Nam		TH&THCS Quảng Lợi, Đầm Hà	Anh	1,5	2,25	1,5		1	8,25
26	080025	CHÈ CẨM	CHẤN	23/10/2005	Xã Quảng An, Đầm Hà	Nữ	Sán Dìu	THCS Xã Quảng An, Đầm Hà	Anh	1,5	2,5	3	2	1	13,5

STT	SBD	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Hộ khẩu thường trú	Nữ	Dân tộc ít người	Học sinh trường THCS	N. Ngữ	Điểm các môn thi			Điểm U.T	Nhóm xét tuyển	ĐIỂM TRÚNG TUYỂN
										Văn	NN	Toán			
27	080026	ĐỖ NGỌC	CHÂM	05/10/2005	Xã Đầm Hà, Đầm Hà	Nữ		THCS Tân Lập, Đầm Hà	Anh	3	3,25	2,5		1	14,25
28	080027	MÈ THỊ THÙY	CHÂM	29/10/2005	Xã Đầm Hà, Đầm Hà	Nữ		THCS Xã Đầm Hà, Đầm Hà	Anh	6,5	4,25	7,5		1	32,25
29	080028	PHẠM THỊ LINH	CHI	29/08/2005	Thị trấn Đầm Hà, Đầm Hà	nữ		THCS Thị Trấn Đầm Hà, Đầm Hà	Anh	5,5	4,5	4,75		1	25
30	080029	PHẠM YẾN	CHI	09/01/2005	Thị trấn Đầm Hà, Đầm Hà	nữ		THCS Thị Trấn Đầm Hà, Đầm Hà	Anh	4,75	2	6,5		1	24,5
31	080030	ĐÀO THỊ	CHINH	05/11/2005	Tân Lập, Đầm Hà	Nữ		THCS Tân Lập, Đầm Hà	Anh	1,5	2,75	3		1	11,75
32	080031	NGUYỄN PHẠM THÀNH	CHUNG	02/11/2005	Dục Yên, Đầm Hà	Nam		THCS Dục Yên, Đầm Hà	Anh	5,5	4,75	4,25		1	24,25
33	080032	BÙI THỊ	CHỨC	16/11/2005	Xã Tân Bình, Đầm Hà	Nữ		THCS Xã Tân Bình, Đầm Hà	Anh	2	3,75	1,5		1	10,75
34	080033	ĐINH TIẾN	CHỨC	15/01/2005	Thị trấn Đầm Hà, Đầm Hà	Nam		THCS Thị Trấn Đầm Hà, Đầm Hà	Anh	3,75	2	2,5		1	14,5
35	080034	VŨ CHÍ	CÔNG	20/04/2005	Đại Bình, Đầm Hà	Nam		THCS Đại Bình, Đầm Hà	Anh	1,5	2,25	2,25		1	9,75
36	080035	PHẠM THỊ	CỨC	29/09/2005	Xã Quảng An, Đầm Hà	Nữ		THCS Xã Quảng An, Đầm Hà	Anh	3	3,75	5		1	19,75
37	080036	LÊ MẠNH	CƯỜNG	19/09/2005	Xã Quảng An, Đầm Hà	Nam		THCS Xã Quảng An, Đầm Hà	Anh	2	2,5	2,75		1	12
38	080037	PHẠM QUỐC	CƯỜNG	23/10/2005	Dục Yên, Đầm Hà	Nam		THCS Dục Yên, Đầm Hà	Anh	4	2,25	2		1	14,25
39	080039	VŨ THỊ	DIU	28/01/2005	Xã Tân Bình, Đầm Hà	Nữ		THCS Xã Tân Bình, Đầm Hà	Anh	5,5	5	5,5		1	27
40	080041	TÀNG THỊ	DUNG	04/01/2005	Quảng Lâm, Đầm Hà	Nữ	Dao	THCS Quảng Lâm, Đầm Hà	Anh	1,5	2,75	0,5	2	1	8,75
41	080042	TY THỊ	DUNG	08/11/2005	Xã Quảng Tân, Đầm Hà	Nữ		TH&THCS Quảng Lợi, Đầm Hà	Anh	2,25	2,5	2,5		1	12
42	080043	LÊ VĂN	DUY	24/05/2005	Quảng Tân, Đầm Hà	Nam		THCS Quảng Tân, Đầm Hà	Anh	1,75	3,75	0,5		1	8,25
43	080044	HIÊN VIỆT	DŨNG	29/05/2005	Đại Bình, Đầm Hà	Nam		THCS Đại Bình, Đầm Hà	Anh	2,5	3	1,75	2	1	13,5
44	080045	HOÀNG ANH	DŨNG	03/08/2005	Thị trấn Đầm Hà, Đầm Hà	Nam		THCS Thị Trấn Đầm Hà, Đầm Hà	Anh	4	2,75	4		1	18,75
45	080046	NGUYỄN TIẾN	DŨNG	24/01/2005	Xã Đầm Hà, Đầm Hà	Nam		THCS Xã Đầm Hà, Đầm Hà	Anh	1,75	3	3,5		1	13,5
46	080047	VŨ VĂN	DƯ	24/12/2005	Xã Quảng Tân, Đầm Hà	Nam		TH&THCS Quảng Lợi, Đầm Hà	Anh	1,25	2,75	2,25		1	9,75
47	080048	HOÀNG THỊ THÙY	DƯƠNG	28/06/2005	Thị trấn Đầm Hà, Đầm Hà	nữ		THCS Thị Trấn Đầm Hà, Đầm Hà	Anh	3,75	2,25	3		1	15,75
48	080049	NGUYỄN THỊ THÙY	DƯƠNG	02/02/2005	Xã Quảng Tân, Đầm Hà	Nữ		TH&THCS Quảng Lợi, Đầm Hà	Anh	4,75	3	7,5		1	27,5
49	080051	ĐỖ THANH	ĐAN	07/11/2005	Thị trấn Đầm Hà, Đầm Hà	Nam		THCS Thị Trấn Đầm Hà, Đầm Hà	Anh	5	2,5	4		1	20,5
50	080052	ĐỖ THẾ	ĐAN	14/08/2005	Xã Đầm Hà, Đầm Hà	Nam		THCS Xã Đầm Hà, Đầm Hà	Anh	3,5	3,5	3,25		1	17
51	080053	CHÈ A	ĐẠO	27/07/2005	Xã Quảng An, Đầm Hà	Nam	Sán Diu	THCS Xã Quảng An, Đầm Hà	Anh	1,5	2,75	1,25	2	1	10,25
52	080054	NGUYỄN THÀNH	ĐẠT	02/03/2005	Đại Bình, Đầm Hà	Nam		THCS Đại Bình, Đầm Hà	Anh	1,5	3	2,5		1	11
53	080055	NGUYỄN TIẾN	ĐẠT	04/09/2005	Xã Tân Bình, Đầm Hà	Nam		THCS Xã Tân Bình, Đầm Hà	Anh	5,75	4,75	3		1	22,25
54	080056	TRẦN QUỐC	ĐẠT	23/08/2005	Xã Tân Bình, Đầm Hà	Nam		THCS Xã Tân Bình, Đầm Hà	Anh	1	3,25	2		1	9,25
55	080057	HÀ THANH	ĐÌNH	10/11/2005	Tân Lập, Đầm Hà	Nam		THCS Tân Lập, Đầm Hà	Anh	2	1,75	2		1	9,75
56	080058	NGUYỄN THỊ	ĐOAN	18/03/2005	Xã Đầm Hà, Đầm Hà	Nữ		THCS Xã Đầm Hà, Đầm Hà	Anh	4	3,5	5,25		1	22

STT	SBD	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh	Hộ khẩu thường trú	Nữ	Dân tộc ít người	Học sinh trường THCS	N. Ngữ	Điểm các môn thi			Điểm U.T	Nhóm xét tuyển	ĐIỂM TRÚNG TUYỂN
									Văn	NN	Toán			
57	080059	NGUYỄN THỊ ĐÔNG	21/05/2005	Xã Đàm Hà, Đàm Hà	Nữ		THCS Xã Đàm Hà, Đàm Hà	Anh	4	2,5	4,25		1	19
58	080060	CHÍU THIÊN ĐỨC	05/07/2005	Quảng Lâm, Đàm Hà	Nam	Dao	THCS Quảng Lâm, Đàm Hà	Anh	3,75	5	6	2	1	26,5
59	080061	NGÔ ANH ĐỨC	16/12/2005	Thị trấn Đàm Hà, Đàm Hà	Nam		THCS Thị Trấn Đàm Hà, Đàm Hà	Anh	3,25	2	1,5		1	11,5
60	080062	NINH QUÝ ĐỨC	26/09/2005	Xã Quảng Tân, Đàm Hà	Nam	Sán Chí	TH&THCS Quảng Lợi, Đàm Hà	Anh	2,25	2,5	2	2	1	13
61	080063	TRẦN VĂN ĐỨC	26/03/2005	Xã Quảng An, Đàm Hà	Nam		THCS Xã Quảng An, Đàm Hà	Anh	2,75	1,75	1		1	9,25
62	080064	LƯƠNG NHẬT GIANG	29/07/2005	Xã Tân Bình, Đàm Hà	Nữ		THCS Xã Tân Bình, Đàm Hà	Anh	4,25	4,5	5,5		1	24
63	080065	LƯƠNG THỊ GIANG	24/10/2005	Xã Quảng Tân, Đàm Hà	Nữ		TH&THCS Quảng Lợi, Đàm Hà	Anh	2,5	1,75	4,25		1	15,25
64	080066	NGUYỄN NGỌC TRƯỜNG	23/07/2005	Tân Lập, Đàm Hà	Nam		THCS Tân Lập, Đàm Hà	Anh	1	2	4,5		1	13
65	080068	BÙI THỊ HÀ	10/07/2005	Xã Quảng Tân, Đàm Hà	Nữ		TH&THCS Quảng Lợi, Đàm Hà	Anh	3	2,5	4		1	16,5
66	080069	NGUYỄN BẢO HÀ	19/01/2005	Thị trấn Đàm Hà, Đàm Hà	nữ		THCS Thị Trấn Đàm Hà, Đàm Hà	Anh	7	5,75	7,75		1	35,25
67	080070	PHAN THU HÀ	03/02/2005	Thị trấn Đàm Hà, Đàm Hà	nữ		THCS Thị Trấn Đàm Hà, Đàm Hà	Anh	7	6	5		1	30
68	080071	PHÙNG THỊ THU HÀ	04/05/2005	Thị trấn Đàm Hà, Đàm Hà	nữ	Hán	THCS Thị Trấn Đàm Hà, Đàm Hà	Anh	4	3,5	1,5	2	1	16,5
69	080073	LƯƠNG VIỆT HÀM	02/02/2005	Thị trấn Đàm Hà, Đàm Hà	Nam		THCS Thị Trấn Đàm Hà, Đàm Hà	Anh	3,5	4	5,5		1	22
70	080074	PHAN ĐẠI HẢI	28/06/2005	Thị trấn Đàm Hà, Đàm Hà	Nam		THCS Thị Trấn Đàm Hà, Đàm Hà	Anh	5,25	7,5	7,5		1	33
71	080075	PHAN THU HẢI	03/02/2005	Thị trấn Đàm Hà, Đàm Hà	nữ		THCS Thị Trấn Đàm Hà, Đàm Hà	Anh	7,25	7,75	5,5		1	33,25
72	080076	HOÀNG THỊ HẠNH	04/03/2005	Thị trấn Đàm Hà, Đàm Hà	nữ		THCS Thị Trấn Đàm Hà, Đàm Hà	Anh	5,25	6,75	5,25		1	27,75
73	080077	PHẠM THỊ HẠNH	20/03/2005	Quảng Tân, Đàm Hà	Nữ		THCS Quảng Tân, Đàm Hà	Anh	5,75	3,75	7,5		1	30,25
74	080079	NGUYỄN LÊ GIA HÂN	18/11/2005	Thị trấn Đàm Hà, Đàm Hà	nữ		THCS Thị Trấn Đàm Hà, Đàm Hà	Anh	6	7,5	8		1	35,5
75	080080	PHẠM ÁI HẬU	31/08/2005	Thị trấn Đàm Hà, Đàm Hà	nữ		THCS Thị Trấn Đàm Hà, Đàm Hà	Anh	6,75	7,5	8		1	37
76	080081	CHÌU THỊ HIỀN	21/01/2005	Quảng Lâm, Đàm Hà	Nữ	Dao	THCS Quảng Lâm, Đàm Hà	Anh	2,75	1,75	0,25	2	1	9,75
77	080082	NGUYỄN THANH HIỀN	06/12/2005	Thị trấn Đàm Hà, Đàm Hà	nữ		THCS Thị Trấn Đàm Hà, Đàm Hà	Anh	4	2,5	2,25		1	15
78	080083	NGUYỄN THUÝ HIỀN	17/11/2005	Thị trấn Đàm Hà, Đàm Hà	nữ		THCS Thị Trấn Đàm Hà, Đàm Hà	Anh	5,25	5	2,25		1	20
79	080084	PHAN THỊ HIỀN	03/02/2005	Dục Yên, Đàm Hà	Nữ		THCS Dục Yên, Đàm Hà	Anh	2,5	3,5	2,5		1	13,5
80	080085	PHẠM THỊ THU HIỀN	11/11/2005	Dục Yên, Đàm Hà	Nữ		THCS Dục Yên, Đàm Hà	Anh	5	4	4,75		1	23,5
81	080086	VŨ THỊ HIỀN	03/03/2005	Tân Lập, Đàm Hà	Nữ		THCS Tân Lập, Đàm Hà	Anh	1,25	2,75	2,75		1	10,75
82	080087	ĐẶNG MINH HIẾU	23/09/2005	Xã Quảng Tân, Đàm Hà	Nam		TH&THCS Quảng Lợi, Đàm Hà	Anh	4	3,75	4,75		1	21,25
83	080088	ĐINH CÔNG HIẾU	04/07/2005	Xã Đàm Hà, Đàm Hà	Nam		THCS Xã Đàm Hà, Đàm Hà	Anh	5	4,75	3		1	20,75
84	080089	ĐINH TRẦN TRỌNG HIẾU	07/11/2005	Xã Tân Bình, Đàm Hà	Nam		THCS Thị Trấn Đàm Hà, Đàm Hà	Anh	3,5	2,5	4		1	17,5
85	080090	ĐINH TRUNG HIẾU	19/08/2005	Tân Lập, Đàm Hà	Nam		THCS Tân Lập, Đàm Hà	Anh	1	2,75	2,75	2	1	12,25
86	080091	LÊ TRUNG HIẾU	25/10/2005	Xã Tân Bình, Đàm Hà	Nam		THCS Thị Trấn Đàm Hà, Đàm Hà	Anh	3	4	7,5		1	25

STT	SBD	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Hộ khẩu thường trú	Nữ	Dân tộc ít người	Học sinh trường THCS	N. Ngữ	Điểm các môn thi			Điểm U.T	Nhóm xét tuyển	ĐIỂM TRÚNG TUYỂN
										Văn	NN	Toán			
87	080092	NGUYỄN ĐỨC	HIẾU	06/10/2005	Thị trấn Đầm Hà, Đầm Hà	Nam		THCS Thị Trấn Đầm Hà, Đầm Hà	Anh	6	5	5,25		1	27,5
88	080093	NGUYỄN TRỌNG	HIẾU	06/07/2005	Thị trấn Đầm Hà, Đầm Hà	Nam		THCS Thị Trấn Đầm Hà, Đầm Hà	Anh	3,5	3	6,5		1	23
89	080094	TĂNG TRUNG	HIẾU	14/01/2005	Thị trấn Đầm Hà, Đầm Hà	Nam	Sán Diu	THCS Thị Trấn Đầm Hà, Đầm Hà	Anh	5	3,75	6,5	2	1	28,75
90	080095	NGUYỄN HOÀNG	HIỆP	28/09/2005	Thị trấn Đầm Hà, Đầm Hà	Nam		THCS Thị Trấn Đầm Hà, Đầm Hà	Anh	4,5	3,75	8,25		1	29,25
91	080096	TÔN HÙNG	HIỆP	18/01/2005	Thị trấn Đầm Hà, Đầm Hà	Nam		THCS Thị Trấn Đầm Hà, Đầm Hà	Anh	4,5	3	6,75		1	25,5
92	080098	ĐINH VIỆT	HOÀNG	25/08/2005	Thị trấn Đầm Hà, Đầm Hà	Nam		THCS Thị Trấn Đầm Hà, Đầm Hà	Anh	7,25	6,75	9		1	39,25
93	080099	LÊ VIỆT	HOÀNG	30/07/2005	Thị trấn Đầm Hà, Đầm Hà	Nam		THCS Thị Trấn Đầm Hà, Đầm Hà	Anh	6	5,25	7,5		1	32,25
94	080100	LÊ VIỆT	HOÀNG	27/11/2005	Thị trấn Đầm Hà, Đầm Hà	Nam		THCS Thị Trấn Đầm Hà, Đầm Hà	Anh	4,25	6,5	6,75		1	28,5
95	080102	NGUYỄN VĂN	HOÀNG	10/01/2005	Quảng Tân, Đầm Hà	Nam		THCS Quảng Tân, Đầm Hà	Anh	1,25	4,25	1,5		1	9,75
96	080103	PHẠM ĐỨC	HOÀNG	21/08/2005	Thị trấn Đầm Hà, Đầm Hà	Nam		THCS Thị Trấn Đầm Hà, Đầm Hà	Anh	3,5	6	2,25		1	17,5
97	080104	TRẦN THẾ	HOÀNG	14/11/2005	Xã Quảng An, Đầm Hà	Nam		THCS Xã Quảng An, Đầm Hà	Anh	2,25	3,75	2,75		1	13,75
98	080105	VŨ ĐÌNH	HOÀNG	10/06/2005	Xã Đầm Hà, Đầm Hà	Nam		THCS Xã Đầm Hà, Đầm Hà	Anh	2,75	5	5		1	20,5
99	080106	LÊ DUY	HÒA	29/11/2005	Thị trấn Đầm Hà, Đầm Hà	Nam		THCS Thị Trấn Đầm Hà, Đầm Hà	Anh	3,75	3	6,75		1	24
100	080107	LƯU THỊ MINH	HÒA	14/07/2005	Thị trấn Đầm Hà, Đầm Hà	nữ		THCS Thị Trấn Đầm Hà, Đầm Hà	Anh	4	3	4		1	19
101	080108	NGUYỄN NGỌC	HÒA	06/12/2005	Thị trấn Đầm Hà, Đầm Hà	nữ		THCS Thị Trấn Đầm Hà, Đầm Hà	Anh	3,5	2,5	3,25		1	16
102	080109	PHẠM NGỌC	HÒA	07/08/2005	Xã Đầm Hà, Đầm Hà	Nam		THCS Xã Đầm Hà, Đầm Hà	Anh	1,25	3,25	1,5		1	8,75
103	080110	VŨ THỊ	HÒA	28/03/2005	Quảng Tân, Đầm Hà	Nữ		THCS Quảng Tân, Đầm Hà	Anh	3,75	2,5	2,25		1	14,5
104	080112	HÀ THỊ ÁNH	HỒNG	06/03/2005	Đại Bình, Đầm Hà	Nữ	Tày	THCS Đại Bình, Đầm Hà	Anh	2	1,75	1,5	2	1	10,75
105	080113	HOÀNG THỊ	HỒNG	08/01/2005	Xã Tân Bình, Đầm Hà	Nữ		THCS Xã Tân Bình, Đầm Hà	Anh	1,5	3,25	2		1	10,25
106	080114	HOÀNG THỊ	HỒNG	01/06/2005	Tân Lập, Đầm Hà	Nữ		THCS Tân Lập, Đầm Hà	Anh	2,75	2,75	2,25		1	12,75
107	080117	VŨ THỊ	HỢP	28/03/2005	Quảng Tân, Đầm Hà	Nữ		THCS Quảng Tân, Đầm Hà	Anh	3	4	2		1	14
108	080118	NGUYỄN ĐÌNH	HUÂN	14/02/2005	Thị trấn Đầm Hà, Đầm Hà	Nam		THCS Thị Trấn Đầm Hà, Đầm Hà	Anh	3,25	2,25	1,75		1	12,25
109	080119	LÊ THỊ	HUỆ	13/06/2005	Xã Tân Bình, Đầm Hà	Nữ		THCS Xã Tân Bình, Đầm Hà	Anh	2,5	2,75	2,5		1	12,75
110	080120	LẠI BÍCH	HUỆ	04/06/2005	Dục Yên, Đầm Hà	Nữ		THCS Dục Yên, Đầm Hà	Anh	2	2,75	1,5		1	9,75
111	080121	HOÀNG ANH	HUY	28/10/2005	Thị trấn Đầm Hà, Đầm Hà	Nam		THCS Thị Trấn Đầm Hà, Đầm Hà	Anh	5,5	7	5,5		1	29
112	080122	HOÀNG QUANG	HUY	13/06/2005	Xã Quảng Tân, Đầm Hà	Nam		TH&THCS Quảng Lợi, Đầm Hà	Anh	1	3,75	1,5	2	1	10,75
113	080123	NGÔ QUỐC	HUY	29/06/2005	Tân Lập, Đầm Hà	Nam		THCS Xã Tân Lập, Đầm Hà	Anh	1,25	2,25	2	2	1	10,75
114	080124	NGUYỄN VĂN	HUY	23/11/2005	Xã Đầm Hà, Đầm Hà	Nam		THCS Xã Đầm Hà, Đầm Hà	Anh	2	1,75	2,25		1	10,25
115	080125	PHẠM ĐĂNG	HUY	15/10/2005	Quảng Tân, Đầm Hà	Nam		THCS Quảng Tân, Đầm Hà	Anh	4,75	4,5	2,5	2	1	21
116	080126	TRẦN NAM	HUY	15/10/2005	Thị trấn Đầm Hà, Đầm Hà	Nam		THCS Thị Trấn Đầm Hà, Đầm Hà	Anh	7,5	7	8,5	2	1	41

STT	SBD	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Hộ khẩu thường trú	Nữ	Dân tộc ít người	Học sinh trường THCS	N. Ngữ	Điểm các môn thi			Điểm U.T	Nhóm xét tuyển	ĐIỂM TRÚNG TUYỂN
										Văn	NN	Toán			
117	080127	TRỊNH VĂN	HUY	26/02/2005	Xã Tân Bình, Đầm Hà	Nam		THCS Xã Tân Bình, Đầm Hà	Anh	3,75	3,75	2,75		1	16,75
118	080128	VŨ VĂN	HUY	20/07/2005	Quảng Tân, Đầm Hà	Nam		THCS Quảng Tân, Đầm Hà	Anh	2,25	3,5	1,75		1	11,5
119	080129	ĐẶNG THỊ NGỌC	HUYỀN	20/02/2005	Xã Tân Bình, Đầm Hà	Nữ		THCS Xã Tân Bình, Đầm Hà	Anh	2,75	3,25	4,25		1	17,25
120	080130	NGÔ THỊ	HUYỀN	18/01/2005	Tân Lập, Đầm Hà	Nữ		THCS Tân Lập, Đầm Hà	Anh	5	5,25	4,75	2	1	26,75
121	080131	NGUYỄN THỊ	HUYỀN	23/12/2005	Quảng Tân, Đầm Hà	Nữ		THCS Quảng Tân, Đầm Hà	Anh	5,75	6,25	6,5		1	30,75
122	080132	NGUYỄN THỊ THANH	HUYỀN	02/01/2005	Xã Đầm Hà, Đầm Hà	Nữ		THCS Xã Đầm Hà, Đầm Hà	Anh	5,5	4	5,5		1	26
123	080133	PHẠM THỊ	HUYỀN	23/12/2005	Xã Tân Bình, Đầm Hà	Nữ		THCS Xã Tân Bình, Đầm Hà	Anh	3,75	3,25	3,25		1	17,25
124	080134	TY THẾ	HUYNH	15/09/2005	Xã Quảng Tân, Đầm Hà	Nam		TH&THCS Quảng Lợi, Đầm Hà	Anh	2,5	2,75	2,5		1	12,75
125	080136	HÀ VIỆT	HUNG	27/07/2005	Thị trấn Đầm Hà, Đầm Hà	Nam		THCS Thị Trấn Đầm Hà, Đầm Hà	Anh	4	5,25	1,25		1	15,75
126	080137	HOÀNG TIẾN	HUNG	07/01/2005	Xã Quảng Tân, Đầm Hà	Nam		TH&THCS Quảng Lợi, Đầm Hà	Anh	2,75	2,5	2,25	2	1	14,5
127	080139	NGÔ QUỲNH	HƯƠNG	28/03/2005	Xã Đầm Hà, Đầm Hà	Nữ		THCS Xã Đầm Hà, Đầm Hà	Anh	6,5	3,5	2,75		1	22
128	080140	NGUYỄN QUỲNH	HƯƠNG	06/10/2005	Xã Quảng Tân, Đầm Hà	nữ		THCS Thị Trấn Đầm Hà, Đầm Hà	Anh	7,5	6,75	7,25		1	36,25
129	080141	PHẠM THỊ THANH	HƯƠNG	03/06/2005	Tân Lập, Đầm Hà	Nữ		THCS Tân Lập, Đầm Hà	Anh	1	2,25	1	2	1	8,25
130	080142	PHẠM THỊ THÙY	HƯƠNG	16/06/2005	Xã Quảng An, Đầm Hà	Nữ		THCS Xã Quảng An, Đầm Hà	Anh	3,5	3,25	2,25		1	14,75
131	080143	LÊ KHẮC	HỮU	10/06/2005	Thị trấn Đầm Hà, Đầm Hà	Nam		THCS Thị Trấn Đầm Hà, Đầm Hà	Anh	3,75	5,75	2		1	17,25
132	080144	TRƯƠNG TUẤN	KHANH	12/05/2005	Đại Bình, Đầm Hà	Nam		THCS Đại Bình, Đầm Hà	Anh	3,75	3,5	4,5		1	20
133	080145	ĐÀO QUỐC	KHÁNH	02/09/2005	Tân Lập, Đầm Hà	Nam		THCS Tân Lập, Đầm Hà	Anh	1,5	3	2,75		1	11,5
134	080146	NGUYỄN NAM	KHÁNH	12/12/2005	Xã Tân Bình, Đầm Hà	Nam		THCS Thị Trấn Đầm Hà, Đầm Hà	Anh	2,5	2	0,75		1	8,5
135	080147	TRẦN THỊ PHƯƠNG	KHÁNH	02/07/2005	Xã Dục Yên, Đầm Hà	nữ		THCS Thị Trấn Đầm Hà, Đầm Hà	Anh	4	3	2,5		1	16
136	080149	HOÀNG TRUNG	KIÊN	15/04/2005	Thị trấn Đầm Hà, Đầm Hà	Nam	Hoa	THCS Thị Trấn Đầm Hà, Đầm Hà	Anh	3	2	1,5	2	1	13
137	080150	HOÀNG TRUNG	KIÊN	12/08/2005	Xã Đầm Hà, Đầm Hà	Nam		THCS Xã Đầm Hà, Đầm Hà	Anh	0,75	2,25	3		1	9,75
138	080151	LÊ MẠNH	KIÊN	26/07/2005	Thị trấn Đầm Hà, Đầm Hà	Nam		THCS Thị Trấn Đầm Hà, Đầm Hà	Anh	2,5	2,25	2,25	2	1	13,75
139	080152	LÊ TRUNG	KIÊN	30/05/2005	Thị trấn Đầm Hà, Đầm Hà	Nam		THCS Thị Trấn Đầm Hà, Đầm Hà	Anh	5,5	4,25	3		1	21,25
140	080153	LÝ CẢNH	KIÊN	23/10/2005	Xã Quảng An, Đầm Hà	Nam	Sán Diu	THCS Xã Quảng An, Đầm Hà	Anh	2	1,5	1	2	1	9,5
141	080154	LÊ THỊ	KIỀU	13/12/2005	Thị trấn Đầm Hà, Đầm Hà	nữ		THCS Thị Trấn Đầm Hà, Đầm Hà	Anh	4,25	3	6		1	23,5
142	080155	NGUYỄN MẠNH	KIỆM	03/05/2005	Thị trấn Đầm Hà, Đầm Hà	Nam		THCS Thị Trấn Đầm Hà, Đầm Hà	Anh	2,75	3	3,5		1	15,5
143	080156	NGUYỄN TUẤN	KIỆT	03/02/2005	Đại Bình, Đầm Hà	Nam		THCS Đại Bình, Đầm Hà	Anh	3,25	3,5	2,75		1	15,5
144	080157	PHẠM HOÀNG ANH	KIỆT	12/07/2005	Tân Lập, Đầm Hà	Nam		THCS Quảng Tân, Đầm Hà	Anh	2,5	2,75	3,25		1	14,25
145	080159	ĐOÀN THỊ KIM	LAN	23/08/2005	Đại Bình, Đầm Hà	Nữ		THCS Đại Bình, Đầm Hà	Anh	2,5	2,5	1,75		1	11
146	080161	CHÍU CHẶN	LÀU	04/02/2005	Xã Quảng An, Đầm Hà	Nam	Dao	THCS Xã Quảng An, Đầm Hà	Anh	2	2,25	1,25	2	1	10,75

STT	SBD	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh	Hộ khẩu thường trú	Nữ	Dân tộc ít người	Học sinh trường THCS	N. Ngữ	Điểm các môn thi			Điểm U.T	Nhóm xét tuyển	ĐIỂM TRÚNG TUYỂN
									Văn	NN	Toán			
147	080162	TRẦN VĂN LÂM	12/08/2005	Xã Tân Bình, Đầm Hà	Nam		THCS Xã Tân Bình, Đầm Hà	Anh	1,75	2,25	2		1	9,75
148	080163	VŨ THỊ NGỌC LỆ	02/07/2005	Đại Bình, Đầm Hà	Nữ		THCS Đại Bình, Đầm Hà	Anh	2,75	3,75	1,75		1	12,75
149	080165	ĐỊP THÙY LINH	21/07/2005	Xã Quảng An, Đầm Hà	Nữ	Sán Diu	THCS Xã Quảng An, Đầm Hà	Anh	1,5	2,75	1	2	1	9,75
150	080166	ĐÀO THỊ THÙY LINH	04/01/2005	Xã Đầm Hà, Đầm Hà	Nữ		THCS Xã Đầm Hà, Đầm Hà	Anh	5,5	3,5	3		1	20,5
151	080167	ĐÌNH THỊ HOÀI LINH	14/10/2005	Đại Bình, Đầm Hà	Nữ		THCS Đại Bình, Đầm Hà	Anh	5,5	6,75	7,75		1	33,25
152	080168	ĐOÀN THỊ MAI LINH	28/07/2005	Xã Tân Bình, Đầm Hà	Nữ		THCS Xã Tân Bình, Đầm Hà	Anh	3,75	4	3,75		1	19
153	080169	HOÀNG KHÁNH LINH	17/04/2005	Xã Tân Bình, Đầm Hà	nữ		THCS Thị Trấn Đầm Hà, Đầm Hà	Anh	5	3,5	4		1	21,5
154	080170	LÊ THỊ THÙY LINH	18/12/2005	Dục Yên, Đầm Hà	Nữ		THCS Dục Yên, Đầm Hà	Anh	3,25	2,5	3,25		1	15,5
155	080171	LƯƠNG NHẬT LINH	10/07/2005	Xã Tân Bình, Đầm Hà	Nữ		THCS Xã Tân Bình, Đầm Hà	Anh	5,5	6	8		1	33
156	080172	NGUYỄN NINH LINH	14/02/2005	Quảng Tân, Đầm Hà	Nữ		THCS Quảng Tân, Đầm Hà	Anh	5,75	4,5	4	2	1	26
157	080173	NGUYỄN THỊ THÙY LINH	18/10/2005	Xã Đầm Hà, Đầm Hà	Nữ		THCS Xã Đầm Hà, Đầm Hà	Anh	6,5	3,25	3,25	2	1	24,75
158	080174	TY THỊ THÙY LINH	24/06/2005	Dục Yên, Đầm Hà	Nữ		THCS Dục Yên, Đầm Hà	Anh	2,5	4	2,75	2	1	16,5
159	080177	ĐẶNG ĐỨC LỘC	29/08/2005	Xã Đầm Hà, Đầm Hà	Nam		THCS Xã Đầm Hà, Đầm Hà	Anh	2	3,75	2		1	11,75
160	080178	ĐÌNH ĐỨC LỘC	29/07/2005	Tân Lập, Đầm Hà	Nam		THCS Tân Lập, Đầm Hà	Anh	2,25	3,25	6		1	19,75
161	080179	HOÀNG THỊ LUYẾN	18/10/2005	Xã Đầm Hà, Đầm Hà	Nữ		THCS Xã Đầm Hà, Đầm Hà	Anh	1,75	3,5	2,5		1	12
162	080181	ĐÌNH THỊ LƯƠNG	04/01/2005	Xã Đầm Hà, Đầm Hà	Nữ		THCS Xã Đầm Hà, Đầm Hà	Anh	6,5	4,5	4,25		1	26
163	080182	HOÀNG THỊ LƯƠNG	28/02/2005	Quảng Tân, Đầm Hà	Nữ		THCS Quảng Tân, Đầm Hà	Anh	6	4,5	6,75		1	30
164	080184	PHÓ HẢI LY	08/08/2005	Thị trấn Đầm Hà, Đầm Hà	nữ		THCS Thị Trấn Đầm Hà, Đầm Hà	Anh	5,25	4	5,25		1	25
165	080185	HÀU VĂN LÝ	27/10/2005	Xã Quảng Tân, Đầm Hà	Nam		TH&THCS Quảng Lợi, Đầm Hà	Anh	2,5	3,5	2		1	12,5
166	080188	LA NGỌC MINH	29/10/2005	Xã Quảng An, Đầm Hà	Nữ	Sán Chi	THCS Xã Quảng An, Đầm Hà	Anh	1,25	2,75	1,75	2	1	10,75
167	080189	NGUYỄN THỊ MINH	06/08/2005	Tân Lập, Đầm Hà	Nữ		THCS Tân Lập, Đầm Hà	Anh	3	4,75	2,5		1	15,75
168	080190	NGUYỄN VĂN MINH	30/10/2005	Xã Đầm Hà, Đầm Hà	Nam		THCS Xã Đầm Hà, Đầm Hà	Anh	3,5	3,25	2,75		1	15,75
169	080192	CHÍU THỊ HÀ MY	12/07/2005	Quảng Lâm, Đầm Hà	Nữ	Dao	THCS Quảng Lâm, Đầm Hà	Anh	2,25	5,5	1,5	2	1	15
170	080193	HOÀNG THẢO NAM	10/11/2005	Xã Đầm Hà, Đầm Hà	Nam		THCS Xã Đầm Hà, Đầm Hà	Anh	2,75	5,75	4		1	19,25
171	080194	NGUYỄN HOÀNG NAM	02/01/2005	Xã Quảng Tân, Đầm Hà	Nam		THCS Thị Trấn Đầm Hà, Đầm Hà	Anh	3,5	6	4,75		1	22,5
172	080195	NGUYỄN THỊ NĂM	25/03/2005	Thị trấn Đầm Hà, Đầm Hà	nữ		THCS Thị Trấn Đầm Hà, Đầm Hà	Anh	1,5	4	1,75		1	10,5
173	080196	ĐÌNH THỊ THÚY NGÀ	14/10/2005	Thị trấn Đầm Hà, Đầm Hà	nữ		THCS Thị Trấn Đầm Hà, Đầm Hà	Anh	4,25	6,5	5,75		1	26,5
174	080197	PHAN THỊ NGÀ	23/06/2005	Xã Quảng An, Đầm Hà	Nữ		THCS Xã Quảng An, Đầm Hà	Anh	2,75	5,75	2,25		1	15,75
175	080198	VƯƠNG THỊ TUYẾT NGÀ	26/08/2005	Tân Lập, Đầm Hà	Nữ	Tày	THCS Tân Lập, Đầm Hà	Anh	2,5	3,75	1,75	2	1	14,25
176	080199	TẶNG THỊ HỒNG NGÁT	26/02/2005	Dục Yên, Đầm Hà	Nữ	Dao	THCS Dục Yên, Đầm Hà	Anh	4,25	3,75	2,75	2	1	19,75

STT	SBD	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Hộ khẩu thường trú	Nữ	Dân tộc ít người	Học sinh trường THCS	N. Ngữ	Điểm các môn thi			Điểm U.T	Nhóm xét tuyển	ĐIỂM TRÚNG TUYỂN
										Văn	NN	Toán			
177	080200	LÝ NGỌC	NGÂN	26/10/2005	Xã Quảng An, Đầm Hà	Nữ	Sán Dìu	THCS Xã Quảng An, Đầm Hà	Anh	1,5	2,75	1,75	2	1	11,25
178	080201	NGUYỄN THIÊN	NGÂN	10/05/2005	Xã Đầm Hà, Đầm Hà	Nữ		THCS Xã Đầm Hà, Đầm Hà	Anh	2,5	4,25	1,25		1	11,75
179	080202	NGUYỄN THÀNH	NGHIỆP	28/02/2005	Xã Đầm Hà, Đầm Hà	Nam		THCS Xã Đầm Hà, Đầm Hà	Anh	2,25	3,5	1		1	10
180	080203	PHẠM HỮU	NGHĨA	15/08/2005	Thị trấn Đầm Hà, Đầm Hà	Nam		THCS Thị Trấn Đầm Hà, Đầm Hà	Anh	3	3,5	3,25		1	16
181	080204	CHU ÁNH	NGỌC	26/04/2005	Xã Đầm Hà, Đầm Hà	Nữ		THCS Xã Đầm Hà, Đầm Hà	Anh	2,5	4,25	3,25		1	15,75
182	080205	ĐINH THỊ	NGỌC	22/01/2005	Tân Lập, Đầm Hà	Nữ		THCS Tân Lập, Đầm Hà	Anh	2,75	3,25	2,5		1	13,75
183	080206	HOÀNG THỊ NHƯ	NGỌC	09/05/2005	Đại Bình, Đầm Hà	Nữ		THCS Đại Bình, Đầm Hà	Anh	2,5	4	1		1	11
184	080207	LÊ THỊ BẢO	NGỌC	21/10/2005	Thị trấn Đầm Hà, Đầm Hà	nữ		THCS Thị Trấn Đầm Hà, Đầm Hà	Anh	4,5	5,5	4,75		1	24
185	080208	NGUYỄN THỊ MINH	NGUYỆT	10/12/2005	Tân Lập, Đầm Hà	Nữ		THCS Tân Lập, Đầm Hà	Anh	4	4	2,5		1	17
186	080209	ĐẶNG THỊ THANH	NHA	14/01/2005	Xã Đầm Hà, Đầm Hà	Nữ		THCS Xã Đầm Hà, Đầm Hà	Anh	3,25	4,25	2,75		1	16,25
187	080210	DÍN THỊ	NHÂM	29/06/2005	Xã Quảng An, Đầm Hà	Nữ	Sán Dìu	THCS Xã Quảng An, Đầm Hà	Anh	0,5	4	1	2	1	9
188	080211	HÀ THỊ ÁNH	NHI	15/02/2005	Tân Lập, Đầm Hà	Nữ		THCS Tân Lập, Đầm Hà	Anh	3,5	3,75	2,5		1	15,75
189	080212	NGÔ YẾN	NHI	25/11/2005	Thị trấn Đầm Hà, Đầm Hà	nữ		THCS Thị Trấn Đầm Hà, Đầm Hà	Anh	6	6	5,5		1	29
190	080213	NGUYỄN THỊ Ý	NHI	09/07/2005	Xã Đầm Hà, Đầm Hà	Nữ		THCS Xã Đầm Hà, Đầm Hà	Anh	5	3,25	1,5	2	1	18,25
191	080214	TÔ THỊ YẾN	NHI	03/04/2005	Đại Bình, Đầm Hà	Nữ		THCS Đại Bình, Đầm Hà	Anh	4	3,25	4,5		1	20,25
192	080216	HOÀNG THỊ	NHUNG	18/07/2005	Đại Bình, Đầm Hà	Nữ	Tày	THCS Đại Bình, Đầm Hà	Anh	2,5	2	2,25	2	1	13,5
193	080218	NGUYỄN THỊ KIM	OANH	16/08/2005	Xã Đầm Hà, Đầm Hà	Nữ		THCS Xã Đầm Hà, Đầm Hà	Anh	3	3,25	3,25		1	15,75
194	080219	ĐINH GIA	PHIÊN	30/08/2005	Thị trấn Đầm Hà, Đầm Hà	Nam		THCS Thị Trấn Đầm Hà, Đầm Hà	Anh	4	3,25	3,25		1	17,75
195	080220	BÙI THANH	PHONG	01/11/2005	Thị trấn Đầm Hà, Đầm Hà	Nam		THCS Thị Trấn Đầm Hà, Đầm Hà	Anh	2,75	2,25	3,25		1	14,25
196	080221	LƯƠNG TIẾN	PHONG	25/06/2005	Xã Tân Bình, Đầm Hà	Nam		THCS Xã Tân Bình, Đầm Hà	Anh	2,5	2	2,5		1	12
197	080222	CHÍU HOÀNG	PHÚC	18/03/2005	Xã Quảng An, Đầm Hà	Nam	Dao	THCS Xã Quảng An, Đầm Hà	Anh	1,5	4,25	1,5	2	1	12,25
198	080223	PHẠM DUY	PHỤNG	21/05/2005	Đại Bình, Đầm Hà	Nam		THCS Đại Bình, Đầm Hà	Anh	1,5	1,75	2	2	1	10,75
199	080224	NGUYỄN THỊ HOÀI	PHƯƠNG	15/01/2005	Tân Lập, Đầm Hà	Nữ		THCS Tân Lập, Đầm Hà	Anh	2,75	3,25	2,75		1	14,25
200	080226	TRẦN VĂN	PHƯỚC	27/07/2005	Xã Quảng Tân, Đầm Hà	Nam		TH&THCS Quảng Lợi, Đầm Hà	Anh	3	5	4,25		1	19,5
201	080227	DỊP THỊ	PHƯƠNG	06/12/2005	Thị trấn Đầm Hà, Đầm Hà	Nữ	Sán Dìu	THCS Quảng Tân, Đầm Hà	Anh	7,5	5,75	2,75	2	1	28,25
202	080228	LÊ THỊ NGỌC	PHƯƠNG	15/05/2005	Xã Tân Bình, Đầm Hà	Nữ		THCS Xã Tân Bình, Đầm Hà	Anh	4	2,5	2,5	2	1	17,5
203	080230	HOÀNG VĂN	QUANG	08/11/2005	Xã Đầm Hà, Đầm Hà	Nam		THCS Xã Đầm Hà, Đầm Hà	Anh	3,5	5	6,25		1	24,5
204	080231	TRỊNH THANH	QUANG	24/09/2005	Xã Đầm Hà, Đầm Hà	Nam		THCS Xã Đầm Hà, Đầm Hà	Anh	2,5	5,25	3,75		1	17,75
205	080232	NGUYỄN XUÂN	QUYÊN	03/05/2005	Quảng Tân, Đầm Hà	Nam		THCS Quảng Tân, Đầm Hà	Anh	2,5	3,5	2,25		1	13
206	080233	TRẦN MẠNH	QUYÊN	16/09/2005	Xã Quảng Tân, Đầm Hà	Nam		TH&THCS Quảng Lợi, Đầm Hà	Anh	2,75	2	1,25		1	10

STT	SBD	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Hộ khẩu thường trú	Nữ	Dân tộc ít người	Học sinh trường THCS	N. Ngữ	Điểm các môn thi			Điểm U.T	Nhóm xét tuyển	ĐIỂM TRÚNG TUYỂN
										Văn	NN	Toán			
207	080234	LÊ VĂN	QUYẾN	31/12/2005	Quảng Tân, Đầm Hà	Nam		THCS Quảng Tân, Đầm Hà	Anh	2,5	3,75	2		1	12,75
208	080235	LÊ NGỌC	QUỲNH	07/09/2005	Thị trấn Đầm Hà, Đầm Hà	nữ		THCS Thị Trấn Đầm Hà, Đầm Hà	Anh	8	5,75	7,25		1	36,25
209	080237	NGUYỄN NGỌC	QUỲNH	26/10/2005	Dục Yên, Đầm Hà	Nữ		THCS Dục Yên, Đầm Hà	Anh	2,5	2	1		1	9
210	080238	TRẦN NHƯ	QUỲNH	19/07/2005	Thị trấn Đầm Hà, Đầm Hà	nữ	Tày	THCS Thị Trấn Đầm Hà, Đầm Hà	Anh	2,75	2	1,75	2	1	13
211	080239	HOÀNG THỊ	SEN	21/08/2005	Thị trấn Đầm Hà, Đầm Hà	nữ		THCS Thị Trấn Đầm Hà, Đầm Hà	Anh	5,5	2,5	2		1	17,5
212	080240	ĐẶNG THANH	SƠN	11/10/2005	Thị trấn Đầm Hà, Đầm Hà	Nam		THCS Thị Trấn Đầm Hà, Đầm Hà	Anh	6	5	5,5		1	28
213	080242	PHAN THANH	SƠN	19/04/2005	Tân Lập, Đầm Hà	Nam		THCS Tân Lập, Đầm Hà	Anh	2	2	2		1	10
214	080243	SẺNH NGỌC	SƠN	06/01/2005	Xã Quảng An, Đầm Hà	Nam	Sán Diu	THCS Xã Quảng An, Đầm Hà	Anh	1,75	3,25	0,75	2	1	10,25
215	080244	LÊ THỊ THANH	TÂM	21/12/2005	Tân Lập, Đầm Hà	Nữ		THCS Tân Lập, Đầm Hà	Anh	3	3,5	3,25		1	16
216	080245	NGUYỄN THANH	TÂM	19/02/2005	Xã Đầm Hà, Đầm Hà	Nữ		THCS Xã Đầm Hà, Đầm Hà	Anh	3	1,75	3,25		1	14,25
217	080246	PHẠM THỊ	TÂM	18/11/2005	Quảng Tân, Đầm Hà	Nữ		THCS Quảng Tân, Đầm Hà	Anh	4	4	3,25		1	18,5
218	080248	PHẠM HOÀNG	THANH	17/11/2005	Dục Yên, Đầm Hà	Nam		THCS Dục Yên, Đầm Hà	Anh	2,25	3	1,25		1	10
219	080249	NGUYỄN TRUNG	THÀNH	02/08/2005	Xã Đầm Hà, Đầm Hà	Nam		THCS Xã Đầm Hà, Đầm Hà	Anh	3	2,25	3,25		1	14,75
220	080250	PHẠM VĂN	THÀNH	20/04/2005	Tân Lập, Đầm Hà	Nam		THCS Tân Lập, Đầm Hà	Anh	1,75	2,25	2,5		1	10,75
221	080251	TRƯƠNG VIỆT	THÀNH	04/05/2005	Thị trấn Đầm Hà, Đầm Hà	Nam		THCS Thị Trấn Đầm Hà, Đầm Hà	Anh	6	6,25	7,5		1	33,25
222	080252	VŨ TIẾN	THÀNH	20/06/2005	Đại Bình, Đầm Hà	Nam		THCS Đại Bình, Đầm Hà	Anh	2,75	2,25	2,25		1	12,25
223	080253	BÙI THỊ PHƯƠNG	THẢO	04/11/2005	Xã Đầm Hà, Đầm Hà	Nữ		THCS Xã Đầm Hà, Đầm Hà	Anh	3,75	2,75	2,75		1	15,75
224	080254	LỘC VĂN	THẢO	20/05/2005	Tân Lập, Đầm Hà	Nam	Tày	THCS Tân Lập, Đầm Hà	Anh	2,75	2,25	1,5	2	1	12,75
225	080255	NGUYỄN BÍCH NGỌC	THẢO	14/12/2005	Thị trấn Đầm Hà, Đầm Hà	nữ		THCS Thị Trấn Đầm Hà, Đầm Hà	Anh	6,5	4	7,5		1	32
226	080256	NÔNG THỊ	THẢO	02/10/2005	Dục Yên, Đầm Hà	Nữ	Tày	THCS Dục Yên, Đầm Hà	Anh	3	2,5	2,75	2	1	16
227	080257	PHẠM PHƯƠNG	THẢO	27/04/2005	Xã Quảng Tân, Đầm Hà	Nữ		TH&THCS Quảng Lợi, Đầm Hà	Anh	2	4,5	0,75		1	10
228	080258	NGUYỄN QUANG	THÁI	22/05/2005	Thị trấn Đầm Hà, Đầm Hà	Nam		THCS Đại Bình, Đầm Hà	Anh	1	3,5	3		1	11,5
229	080259	NGUYỄN THỊ HỒNG	THẨM	09/08/2005	Xã Quảng An, Đầm Hà	Nữ		THCS Xã Quảng An, Đầm Hà	Anh	3,5	3,5	3,25		1	17
230	080260	VŨ THỊ THƯƠNG	THÊM	12/12/2005	Đại Bình, Đầm Hà	Nữ		THCS Đại Bình, Đầm Hà	Anh	2,75	3,25	2,25	2	1	15,25
231	080261	CHU THỂ	THIỆN	29/09/2005	Xã Đầm Hà, Đầm Hà	Nam		THCS Xã Đầm Hà, Đầm Hà	Anh	0,5	2,5	4,5		1	12,5
232	080262	NÔNG NGỌC	THIỆN	25/06/2005	Dục Yên, Đầm Hà	Nam	Tày	THCS Dục Yên, Đầm Hà	Anh	3,75	2,75	6	2	1	24,25
233	080263	TÀNG DẦU	THÍM	09/07/2005	Xã Quảng An, Đầm Hà	Nam	Dao	THCS Xã Quảng An, Đầm Hà	Anh	1,25	2,5	1,25	2	1	9,5
234	080264	CHU THỊ	THƠM	08/11/2005	Xã Tân Bình, Đầm Hà	Nữ	Nùng	THCS Xã Tân Bình, Đầm Hà	Anh	6	4,25	6,25	2	1	30,75
235	080265	LẠI THỊ HÀ	THƠM	11/05/2005	Thị trấn Đầm Hà, Đầm Hà	nữ	Hán	THCS Thị Trấn Đầm Hà, Đầm Hà	Anh	5	4,75	7,25	2	1	31,25
236	080266	TRẦN THỊ MINH	THU	28/03/2005	Xã Quảng An, Đầm Hà	Nữ		THCS Xã Quảng An, Đầm Hà	Anh	5,5	4,25	3		1	21,25

STT	SBD	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh	Hộ khẩu thường trú	Nữ	Dân tộc ít người	Học sinh trường THCS	N. Ngữ	Điểm các môn thi			Điểm U.T	Nhóm xét tuyển	ĐIỂM TRÚNG TUYỂN
									Văn	NN	Toán			
237	080267	LƯƠNG THỊ THÙY	13/09/2005	Thị trấn Đầm Hà, Đầm Hà	nữ		THCS Thị Trấn Đầm Hà, Đầm Hà	Anh	4	2,75	0,5		1	11,75
238	080268	PHẠM THỊ THÙY	09/07/2005	Quảng Tân, Đầm Hà	Nữ		THCS Quảng Tân, Đầm Hà	Anh	7,5	3,25	4,25		1	26,75
239	080269	ĐỖ THỊ THÙY	11/01/2005	Tân Lập, Đầm Hà	Nữ		THCS Tân Lập, Đầm Hà	Anh	5	3,25	3,25		1	19,75
240	080270	HOÀNG KIM THÙY	18/11/2005	Dục Yên, Đầm Hà	Nữ		THCS Dục Yên, Đầm Hà	Anh	2,5	2,25	1,5		1	10,25
241	080271	KHUẤT HỒNG THỦY	01/05/2005	Xã Đầm Hà, Đầm Hà	Nữ		THCS Xã Đầm Hà, Đầm Hà	Anh	5,5	5,75	8		1	32,75
242	080272	NÈNH THỊ THỦY	08/07/2005	Xã Quảng Tân, Đầm Hà	Nữ	Sán Chi	TH&THCS Quảng Lợi, Đầm Hà	Anh	1,25	2	2	2	1	10,5
243	080273	TRẦN THỊ THU THỦY	19/10/2005	Tân Lập, Đầm Hà	Nữ	Tày	THCS Tân Lập, Đầm Hà	Anh	2	3	2	2	1	13
244	080274	BÙI THỊ THÚY	09/12/2005	Xã Đầm Hà, Đầm Hà	Nữ		THCS Xã Đầm Hà, Đầm Hà	Anh	2	4,25	2,75		1	13,75
245	080276	ĐINH VĂN THƯ	02/03/2005	Xã Đầm Hà, Đầm Hà	Nam		THCS Xã Đầm Hà, Đầm Hà	Anh	3	3,75	3,5		1	16,75
246	080277	HOÀNG MINH THƯ	14/11/2005	Tân Lập, Đầm Hà	Nữ		THCS Tân Lập, Đầm Hà	Anh	2,5	3,25	2,5		1	13,25
247	080278	NGUYỄN HUỆ THƯ	11/12/2005	Xã Đầm Hà, Đầm Hà	Nữ		THCS Xã Đầm Hà, Đầm Hà	Anh	3	3,75	2,25		1	14,25
248	080279	PHẠM THỊ MINH THƯ	27/12/2005	Dục Yên, Đầm Hà	Nữ		THCS Dục Yên, Đầm Hà	Anh	2,25	2,75	1,75		1	10,75
249	080280	VŨ ANH THƯ	18/08/2005	Thị trấn Đầm Hà, Đầm Hà	nữ		THCS Thị Trấn Đầm Hà, Đầm Hà	Anh	7	4,75	4		1	26,75
250	080281	ĐẶNG THỊ THƯƠNG	21/11/2005	Thị trấn Đầm Hà, Đầm Hà	nữ		THCS Thị Trấn Đầm Hà, Đầm Hà	Anh	6	5,25	3		1	23,25
251	080282	HOÀNG THỊ THƯƠNG	08/08/2005	Đại Bình, Đầm Hà	Nữ		THCS Đại Bình, Đầm Hà	Anh	2,5	3,25	0,5		1	9,25
252	080283	TY THỊ BÙI THƯƠNG	11/08/2005	Quảng Tân, Đầm Hà	Nữ		THCS Quảng Tân, Đầm Hà	Anh	5	4,25	2,25		1	18,75
253	080285	LÊ THỊ TÌNH	07/11/2005	Quảng Tân, Đầm Hà	Nữ		THCS Quảng Tân, Đầm Hà	Anh	3	4,25	1,75		1	13,75
254	080286	CHÌU THỊ TRANG	28/11/2005	Xã Quảng Tân, Đầm Hà	Nữ	Dao	TH&THCS Quảng Lợi, Đầm Hà	Anh	2	2,25	1,25	2	1	10,75
255	080287	DƯƠNG THỊ PHƯƠNG TRANG	23/05/2005	Quảng Tân, Đầm Hà	Nữ		THCS Quảng Tân, Đầm Hà	Anh	1,25	4,75	1		1	9,25
256	080288	ĐỖ THỊ TRANG	08/03/2005	Xã Đầm Hà, Đầm Hà	Nữ		THCS Xã Đầm Hà, Đầm Hà	Anh	1,75	4,25	1,25		1	10,25
257	080289	HOÀNG ĐOAN TRANG	09/05/2005	Xã Tân Lập, Đầm Hà	nữ	Dao	THCS Thị Trấn Đầm Hà, Đầm Hà	Anh	4,5	5,25	4,75	2	1	25,75
258	080290	HOÀNG THỊ HUYỀN TRANG	18/12/2005	Thị trấn Đầm Hà, Đầm Hà	nữ		THCS Thị Trấn Đầm Hà, Đầm Hà	Anh	6,5	5,25	6,5		1	31,25
259	080291	LÊ HÀ TRANG	24/11/2005	Thị trấn Đầm Hà, Đầm Hà	nữ		THCS Thị Trấn Đầm Hà, Đầm Hà	Anh	6,75	7	7,75		1	36
260	080292	NGUYỄN THỊ KIỀU TRANG	06/07/2005	Xã Tân Bình, Đầm Hà	Nữ		THCS Xã Tân Bình, Đầm Hà	Anh	1,75	4,25	1,75		1	11,25
261	080293	NGUYỄN THỊ THU TRANG	23/11/2005	Dục Yên, Đầm Hà	Nữ		THCS Dục Yên, Đầm Hà	Anh	2,5	4,25	1,5		1	12,25
262	080294	PHẠM THỊ TRANG	09/09/2005	Xã Tân Bình, Đầm Hà	Nữ		THCS Xã Tân Bình, Đầm Hà	Anh	2,5	3,25	1		1	10,25
263	080295	CHU THÚY TRÀ	31/01/2005	Thị trấn Đầm Hà, Đầm Hà	nữ		THCS Thị Trấn Đầm Hà, Đầm Hà	Anh	7,5	7	7		1	36
264	080296	VŨ HẢI TRIỀU	24/03/2005	Thị trấn Đầm Hà, Đầm Hà	Nam		THCS Thị Trấn Đầm Hà, Đầm Hà	Anh	5,5	5,5	7,75		1	32
265	080297	LÊ THÀNH TRUNG	17/07/2005	Thị trấn Đầm Hà, Đầm Hà	Nam		THCS Thị Trấn Đầm Hà, Đầm Hà	Anh	3,75	5	4,75		1	22
266	080298	NGÔ VIỆT TRUNG	16/07/2005	Thị trấn Đầm Hà, Đầm Hà	Nam		THCS Thị Trấn Đầm Hà, Đầm Hà	Anh	4	6,5	1,25		1	17

STT	SBD	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Hộ khẩu thường trú	Nữ	Dân tộc ít người	Học sinh trường THCS	N. Ngữ	Điểm các môn thi			Điểm U.T	Nhóm xét tuyển	ĐIỂM TRÚNG TUYỂN
										Văn	NN	Toán			
267	080299	NGUYỄN HỮU	TRUNG	10/09/2005	Thị trấn Đầm Hà, Đầm Hà	Nam		THCS Thị Trấn Đầm Hà, Đầm Hà	Anh	5,5	7	4,25		1	26,5
268	080300	PHẠM THANH	TRUNG	03/01/2005	Quảng Tân, Đầm Hà	Nam		THCS Quảng Tân, Đầm Hà	Anh	1,75	3,75	1,25	2	1	11,75
269	080301	HOÀNG XUÂN	TRƯỜNG	10/12/2005	Xã Tân Bình, Đầm Hà	Nam		THCS Xã Tân Bình, Đầm Hà	Anh	2	3,75	3,25		1	14,25
270	080302	HOÀNG QUỐC	TUẤN	20/06/2005	Tân Lập, Đầm Hà	Nam		THCS Tân Lập, Đầm Hà	Anh	1,25	2,25	1,75		1	8,25
271	080303	TRẦN MẠNH	TUẤN	09/08/2005	Thị trấn Đầm Hà, Đầm Hà	Nam		THCS Thị Trấn Đầm Hà, Đầm Hà	Anh	4,5	6,25	2		1	19,25
272	080304	CHIU THỊ	TUYỀN	25/12/2005	Quảng Lâm, Đầm Hà	Nữ	Dao	THCS Quảng Lâm, Đầm Hà	Anh	2,75	1,25	5,5	2	1	19,75
273	080305	HOÀNG TRỌNG	TUYỀN	28/05/2005	Xã Đầm Hà, Đầm Hà	Nam		THCS Xã Đầm Hà, Đầm Hà	Anh	3,5	3,75	1,25		1	13,25
274	080306	ĐỖ THỊ	TUYẾT	25/09/2005	Thị trấn Đầm Hà, Đầm Hà	nữ		THCS Thị Trấn Đầm Hà, Đầm Hà	Anh	4,75	4	6,25		1	26
275	080307	NGUYỄN VĂN	TÙNG	19/05/2005	Thị trấn Đầm Hà, Đầm Hà	Nam		THCS Thị Trấn Đầm Hà, Đầm Hà	Anh	3	4,5	1,5	2	1	15,5
276	080308	HOÀNG ANH	TÚ	04/11/2004	Xã Đầm Hà, Đầm Hà	Nam		THCS Xã Đầm Hà, Đầm Hà	Anh	5	2,75	7		1	26,75
277	080309	HÀ THỊ CẨM	VÂN	15/07/2005	Xã Đầm Hà, Đầm Hà	Nữ		THCS Xã Đầm Hà, Đầm Hà	Anh	6	3	3,25		1	21,5
278	080310	HOÀNG THỊ HỒNG	VÂN	02/12/2005	Dục Yên, Đầm Hà	Nữ		THCS Dục Yên, Đầm Hà	Anh	5,75	5,5	3,75		1	24,5
279	080311	LÊ THANH	VÂN	27/07/2005	Xã Quảng Tân, Đầm Hà	Nữ		TH&THCS Quảng Lợi, Đầm Hà	Anh	2,75	2,25	2,25		1	12,25
280	080312	LÊ THỊ	VÂN	26/06/2005	Xã Đầm Hà, Đầm Hà	Nữ		THCS Xã Đầm Hà, Đầm Hà	Anh	3,5	3,75	4		1	18,75
281	080313	ĐẶNG KIỀU	VI	03/09/2005	Xã Đầm Hà, Đầm Hà	Nữ		THCS Xã Đầm Hà, Đầm Hà	Anh	3,5	2,75	3		1	15,75
282	080314	QUÁCH HẠ	VI	30/06/2005	Thị trấn Đầm Hà, Đầm Hà	nữ	Mường	THCS Thị Trấn Đầm Hà, Đầm Hà	Anh	2	4,25	2,5	2	1	15,25
283	080315	CHU THỊ	VIÊN	22/07/2005	Xã Tân Bình, Đầm Hà	Nữ		THCS Xã Tân Bình, Đầm Hà	Anh	2	2,25	3		1	12,25
284	080316	LẠI QUANG	VIỆT	03/05/2005	Thị trấn Đầm Hà, Đầm Hà	Nam		THCS Thị Trấn Đầm Hà, Đầm Hà	Anh	4	6	7,75		1	29,5
285	080318	NINH MINH	VŨ	30/07/2005	Xã Quảng Tân, Đầm Hà	Nam	Sán Chi	TH&THCS Quảng Lợi, Đầm Hà	Anh	0,75	4	2	2	1	11,5
286	080319	NGUYỄN THỊ	VƯỢNG	12/10/2005	Tân Lập, Đầm Hà	Nữ		THCS Tân Lập, Đầm Hà	Anh	4,25	3,75	2,75		1	17,75
287	080320	DƯƠNG TUYẾT	VY	16/03/2005	Xã Quảng An, Đầm Hà	Nữ		THCS Xã Quảng An, Đầm Hà	Anh	4	5	3,25		1	19,5
288	080321	BÙI NGỌC	VỸ	18/10/2005	Xã Tân Bình, Đầm Hà	Nam		THCS Thị Trấn Đầm Hà, Đầm Hà	Anh	7,25	6,25	5,75		1	32,25
289	080322	LÊ THỊ	XUYẾN	30/12/2005	Tân Lập, Đầm Hà	Nữ		THCS Tân Lập, Đầm Hà	Anh	1,25	3	0,5	2	1	8,5
290	080323	ĐỖ THỊ	YẾN	07/03/2005	Xã Đầm Hà, Đầm Hà	Nữ		THCS Xã Đầm Hà, Đầm Hà	Anh	2,25	2,25	1		1	8,75
291	080325	LÊ HẢI	YẾN	17/04/2005	Thị trấn Đầm Hà, Đầm Hà	nữ		THCS Thị Trấn Đầm Hà, Đầm Hà	Anh	4	5	3		1	19
292	080326	NGUYỄN THỊ	YẾN	22/12/2005	Tân Lập, Đầm Hà	Nữ		THCS Tân Lập, Đầm Hà	Anh	3,75	3,75	1,25		1	13,75
293	080327	VI HẢI	YẾN	19/11/2005	Thị trấn Đầm Hà, Đầm Hà	nữ		THCS Thị Trấn Đầm Hà, Đầm Hà	Anh	5,5	3,5	7,5		1	29,5
294	080328	HOÀNG NGỌC NHƯ	Ý	28/10/2005	Tân Lập, Đầm Hà	Nữ		THCS Tân Lập, Đầm Hà	Anh	2,5	2,75	3,5		1	14,75

(Danh sách trên có 294 học sinh)